

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH THỦY  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST  
Ngày: 31/3/2022  
V/v tranh chấp: “Hợp đồng đại lý”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Quý

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Phú Hùng

2. Bà Trần Vĩnh Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Tạ Bá Nhịn – Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2020/TLST-KDTM ngày 04 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng đại lý” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn: Công ty TNHH X**

Địa chỉ: Số Z, đường I, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người đại diện theo ủy quyền:**

1. Ông **Đào Đình C**, sinh năm: 1975. *Có mặt.*

2. Bà **Huỳnh Thị Bích P**, sinh năm: 1997. *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: Số 70, phường V, quận Q, thành phố Hồ Chí Minh.

*( Giấy ủy quyền ngày 14 tháng 10 năm 2020)*

**\* Bị đơn: Ông Trần Đức D**, sinh năm: 1972 – Chủ hộ kinh doanh K. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Kí ốt số 8 Kho L, phường N, quận U, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ chủ hộ kinh doanh: Số 6/6, khu vực 1, phường N, quận U, thành phố Cần Thơ.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Công ty TNHH X trình bày: Giữa Công ty TNHH X với ông Trần Đức D - Chủ hộ kinh doanh K có mối quan hệ hợp tác kinh doanh từ năm 2014, cụ thể:

Công ty TNHH X với Hộ kinh doanh K có ký hợp đồng Đại lý phân phối sản phẩm số: 1030.2013.0101 ngày 01/01/2014 và các phụ lục đính kèm, Hộ kinh doanh K làm đại lý phân phối sản phẩm của Công ty TNHH X tại khu vực phường N, quận U, thành phố Cần Thơ.

Trên cơ sở hợp đồng đại lý, Hộ kinh doanh K thực hiện việc phân phối các loại sản phẩm nước giải khát của Công ty TNHH X và phía Công ty cho Hộ kinh doanh K được mua trả chậm nước giải khát của Công ty; Hộ kinh doanh K có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo chính sách của Công ty TNHH X. Đồng thời, theo thỏa thuận giữa các bên, Hợp đồng Đại lý được chấm dứt vào ngày 30/6/2015 và Hộ kinh doanh K phải thanh toán hoặc hoàn trả ngay lập tức cho Công ty TNHH X toàn bộ công nợ tiền hàng đã quá hạn thanh toán và toàn bộ vỏ kết Hộ kinh doanh K đang mượn Công ty TNHH X.

Tính đến ngày 22/02/2018, Hộ kinh doanh K còn nợ Công ty TNHH X 94.548.150 đồng tiền hàng, 199.026 vỏ chai và 8.147 kết nhựa; giá quy đổi của vỏ chai là 2.500 đồng/chai và giá quy đổi của kết nhựa là 28.000 đồng/kết. Như vậy, tổng số tiền nợ gồm tiền hàng, vỏ chai và kết nhựa đã quy đổi với số tiền là 820.229.150 đồng.

Với mối quan hệ hợp tác kinh doanh lâu dài, Công ty TNHH X đã nhiều lần thương lượng và tạo điều kiện để ông Trần Đức D - Chủ hộ kinh doanh K thanh toán số công nợ trên nhưng phía ông Trần Đức D không hợp tác.

Nay Công ty TNHH X khởi kiện yêu cầu ông Trần Đức D - chủ Hộ kinh doanh K trả cho Công ty TNHH X tổng số tiền còn nợ là 820.229.150 đồng.

*Bị đơn ông Trần Đức D - Chủ hộ kinh doanh K trình bày:* Ông là Chủ hộ kinh doanh K, có ký hợp đồng Đại lý phân phối sản phẩm với nguyên đơn Công ty TNHH X. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông đã trả toàn bộ vỏ kết đã mượn cho nguyên đơn. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Nguyên đơn còn nợ tiền nhân viên bán hàng của Hộ kinh doanh K, nợ tiền chuyển tiền lấy hàng mà không trả hàng và nợ tiền cước vỏ chai; về vỏ chai Hộ kinh doanh K đã bàn giao vỏ chai ngoài thị trường cho nguyên đơn, biên bản bàn giao phía nguyên đơn giữ nhưng không được trừ ra. Ngoài ra, do quá trình làm đường, một số vỏ chai bị mất, nguyên đơn hứa hỗ trợ cũng không được trừ ra, ông đã trả 120 cái khay để chai kết nhựa, nguyên đơn không thanh lý hàng tồn kho dẫn đến hết hạn sử dụng.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận còn giữ khoản tiền cước vỏ chai và kết nhựa của bị đơn với số tiền 58.900.000 đồng nên đồng ý trừ số tiền này vào khoản tiền yêu cầu bồi thường vỏ chai và kết nhựa, cụ thể: Yêu

cầu bị đơn trả lại số tiền 94.548.150 đồng nợ tiền hàng và 666.781.000 đồng tiền vỏ chai và kết nhựa.

Bị đơn ông Trần Đức D - Chủ hộ kinh doanh K vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Giữa nguyên đơn Công ty TNHH X với bị đơn ông Trần Đức D - Chủ hộ kinh doanh K đều có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật và có ký với nhau hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm, quá trình thực hiện hợp đồng đã phát sinh tranh chấp nên Tòa án thụ lý giải quyết quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng đại lý là phù hợp.

Nguyên đơn khởi kiện kèm các chứng cứ gồm: Hợp đồng đại lý, phụ kiện hợp đồng, hóa đơn giao hàng, các biên bản làm việc, bản xác nhận công nợ và đơn xin nghỉ làm nhà phân phối. Bị đơn không đồng ý trả nợ vì cho rằng nguyên đơn chưa trừ ra khoản hứa hỗ trợ, không thanh lý hàng tồn kho dẫn đến hết hạn, còn nợ tiền nhân viên bán hàng của Hộ kinh doanh K nhưng những vấn đề đã được thể hiện trong hợp đồng; đối với khoản tiền nguyên đơn nợ tiền chuyển tiền lấy hàng nhưng không trả hàng cho Hộ kinh doanh K nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại tổng số tiền 820.229.150 đồng (trong đó 94.548.150 đồng nợ tiền hàng, 199.026 vỏ chai có giá trị 497.565.000 đồng và 8.147 kết nhựa có giá trị 228.116.000 đồng) do bị đơn đã vi phạm hợp đồng Đại lý phân phối sản phẩm số: 1030.2013.0101 ngày 01/01/2014 và các phụ lục đính kèm. Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận và đồng ý căn trừ số tiền 58.900.000 đồng bị đơn đã cược vỏ chai và kết nhựa nên chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 94.548.150 đồng nợ tiền hàng và 666.781.000 đồng tiền vỏ chai và kết nhựa; tổng số tiền là 761.329.150 là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn Công ty TNHH X với bị đơn ông Trần Đức D - Chủ hộ kinh doanh K có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Giữa nguyên đơn với bị đơn có ký kết hợp đồng Đại lý phân phối sản phẩm, quá trình thực hiện hợp đồng đã phát sinh tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Trần Đức D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn – bị đơn thì giữa nguyên đơn với bị đơn có ký hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm số: 1030.2013.0101 ngày

01/01/2014 và phụ lục đính kèm. Theo thỏa thuận, ông Trần Đức D - Chủ hộ kinh doanh K nhận phân phối sản phẩm cho Công ty TNHH X cho các điểm bán hàng trong tuyến bán hàng; thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của các bên, phương thức thanh toán, mua hàng trả chậm, mượn vỏ kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, giữa nguyên đơn với bị đơn đã phát sinh tranh chấp do có dấu hiệu thực hiện không đúng hợp đồng, phía nguyên đơn và bị đơn đã nhiều lần làm việc với nhau nhưng không thống nhất được phương thức giải quyết. Đến ngày 01/5/2015 giữa nguyên đơn với bị đơn ký xác nhận công nợ, đến ngày 25/5/2015 bị đơn có đơn xin nghỉ làm nhà phân phối kể từ ngày 30/6/2015 gửi đến nguyên đơn. Sau khi có đơn xin nghỉ làm nhà phân phối, nguyên đơn đã nhiều lần gửi thư đề nghị thanh toán công nợ gửi đến bị đơn; đến ngày 18/01/2018, nguyên đơn gửi thư yêu cầu thanh toán và cảnh báo việc khởi kiện đến bị đơn và xác định khoản nợ tiền hàng với số tiền 94.548.150 đồng, số kết nhựa 8.147 kết và số vỏ chai 199.026 chai nhưng phía bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán và trả lại vỏ chai – kết nhựa nên nguyên đơn có đơn khởi kiện cùng các chứng cứ kèm theo được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin nghỉ làm nhà phân phối, bị đơn thừa nhận kết, vỏ chai bị mất rất nhiều; quá trình làm việc bị đơn cũng thừa nhận bị mất rất nhiều vỏ kết với nhiều lý do và cho rằng đã bàn giao vỏ kết trên thị trường nhưng bị đơn không có chứng cứ gì để chứng minh.

Bị đơn còn cho rằng, nguyên đơn chưa trừ ra khoản hứa hỗ trợ, không thanh lý hàng tồn kho dẫn đến hết hạn, còn nợ tiền nhân viên bán hàng của Hộ kinh doanh K và nợ tiền chuyển tiền lấy hàng nhưng nguyên đơn không trả hàng cho hộ kinh doanh K. Xét thấy, bị đơn không chứng minh được nguyên đơn nợ tiền lấy hàng, đã ký đối chiếu công nợ và không có ý kiến phản hồi khi nguyên đơn gửi thư yêu cầu thanh toán; việc bị đơn cho rằng nguyên đơn nợ tiền nhân viên bán hàng đã được giải quyết tại biên bản làm việc ngày 06/4/2015 và ngày 09/4/2015; còn việc thanh lý hàng tồn là quyền của nguyên đơn đã được ghi nhận trong hợp đồng.

Tại xác nhận ngày 01/5/2015, giữa nguyên đơn với bị đơn thống nhất ký nhận xác định công nợ 228.976.742 đồng, 208.569 chai và 8.543 kết. Phía nguyên đơn thừa nhận qua các lần thông báo nợ, bị đơn đã trả và cần được một phần tiền hàng, một phần vỏ chai và kết nhựa nên nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 94.548.150 đồng nợ tiền hàng, số kết nhựa 8.147 kết và số vỏ chai 199.026 chai. Giá trị vỏ chai và kết nhựa đã được thỏa thuận tại Điều 5 phụ lục 1: Mua hàng trả chậm và mượn vỏ kết số: 1030.2013.0101 ngày 01/01/2014 nên số tiền quy đổi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

Bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh đối với các chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X đối với bị đơn ông Trần Đức D - chủ hộ kinh doanh K là phù hợp.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận và đồng ý khấu trừ 58.900.000 đồng tiền cược vỏ chai và kết nhựa là phù hợp nên buộc ông Trần Đức D - chủ hộ kinh doanh K trả cho nguyên đơn Công ty TNHH X với tổng số

tiền 761.329.150 đồng (trong đó 94.548.150 đồng nợ tiền hàng và 666.781.000 đồng tiền vỏ chai và kết nhựa) là có căn cứ.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật; nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, Điều 147, Điều 217, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Điều 166, Điều 168, Điều 172, Điều 173, Điều 174 và Điều 175 Luật thương mại.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X đối với bị đơn ông Trần Đức D - Chủ hộ kinh doanh K.

Buộc ông Trần Đức D - Chủ hộ kinh doanh K có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty TNHH X với tổng số tiền 761.329.150 đồng (trong đó 94.548.150 đồng nợ tiền hàng và 666.781.000 đồng tiền vỏ chai và kết nhựa).

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Đức D - Chủ hộ kinh doanh K phải nộp số tiền 34.453.200 đồng án phí.

Nguyên đơn Công ty TNHH X được nhận lại 18.303.438 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 009262 ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Bình Thủy;
- Chi cục THADS Q. Bình Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Hoàng Quý**

